TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Nguyễn Thị Hiền

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2020/ TLST – HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 26/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Hương H, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: Tổ x, khu Tân Lập x, phường T, thành phố P, tỉnh N – Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: Tổ x, khu Đ, phường T, thành phố P, tỉnh N – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và đơn xin xử án vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Hương H đều trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn G kết hôn từ năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, sau kết hôn vợ chồng về sống tại tổ 4, khu Tân Lập x, phường T, thành phố P. Cuộc sống chung của vợ chồng chị hòa thuận được khoảng 02 năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống. Anh G không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm, chơi bời làm thất thoát kinh tế gia đình. Đến cuối năm 2017 chị phát hiện anh G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị cũng đã bỏ qua và còn giúp anh G trả tiền nợ do đánh bạc để vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn. Trong hai năm gần đây mâu thuẫn vợ chồng trở lên căng thẳng hơn, chị đã bàn bạc với anh G việc ly hôn nhưng anh G cũng không thay đổi, vẫn sống cuộc sống như người không có gia

đình, phó mặc mọi việc cho chị lo liệu, không thương yêu chị và con nên chị đã sống ly thân với anh G. Trước khi quyết định ly hôn chị đã nhiều lần nói chuyện với anh G và tìm mọi biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, gia đình hai bên hòa giải nhưng cũng không có kết quả. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng, trầm trọng, cuộc sống chung kéo dài không đem lại hạnh phúc cho nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn G có 01 con chung là Nguyễn Đức Q1, sinh ngày xx/x/20xx, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con. Hiện chị có thu nhập ổn định trung bình 10.000.000 đồng/tháng, chị đảm bảo được việc nuôi dạy con chung phát triển tốt.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Nguyễn Văn G nhiều lần nhưng anh G cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh G, anh G không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020 của bà Trần Thị T1 (là mẹ kế của anh Nguyễn Văn G), bà T1 cho biết: Bà kết hôn với bố anh G từ năm 2009, anh G là con riêng của chồng bà, anh G kết hôn với chị H vào năm 2015, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T, sau kết hôn anh G và chị H về sống cùng với mẹ đẻ chị H tại tổ 4, khu Tân Lập x, phường T. Bà được biết chị H và anh G có mâu thuẫn nên đã sống ly thân được khoảng 6 tháng. Chị H bản tính hiền lành, chịu khó làm việc lo cho gia đình, chồng con tuy nhiên anh G không nhìn nhận được mà còn ham chơi, không tu chí làm ăn. Ông bà cũng đã khuyên giải nhưng anh G không sửa đổi được khuyết điểm, là cha mẹ bà không muốn các con ly hôn nhưng chị H xin ly hôn Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung: Chị H và anh G có 01 con chung là Nguyễn Đức Q1, sinh ngày 23/4/2015, hiện đang được chăm sóc giáo dục tốt, chị H có công việc, thu nhập ổn định nên nếu giải quyết cho chị H, anh G ly hôn Tòa án nên giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho con chung phát triển tốt hơn. Bà không biết chị H và anh G có tài sản và công nợ chung hay không.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Chị Trần Hương H yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn G hiện cư trú tại địa bàn thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố P đã tống đạt hợp lệ cho anh G nhưng anh G cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa; chị Trần Hương H là nguyên đơn có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Hương H và anh Nguyễn Văn G là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P vào năm 2015. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ 4, khu Tân Lập x, phường T, thành phố P. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do tính cách, quan điểm sống của hai anh chị không hợp nhau, anh G không có trách nhiệm với gia đình, không tu chí làm ăn, chơi bời làm thất thoát kinh tế gia đình, chị H còn nghi ngờ anh G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị H cũng đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn gia đình nhưng tính cách anh G không thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và sống ly thân nhau. Bản thân anh G khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh G cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị H xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị H và anh G cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh G.

* Về con chung: Chị H và anh G có 01 con chung là Nguyễn Đức Q1, sinh ngày xx/x/20xx. Khi ly hôn chị H có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị H có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh G cũng không có quan điểm gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung là là Nguyễn Đức Q1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) để đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của con chung của anh chị.

Do chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con nên anh G không phải cấp dưỡng cho con chung, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Trần Hương H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Hương H và anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức Q1, sinh ngày 23/4/2015 cho chị Trần Hương H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Hương H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 08/5/2020 theo biên lai số: 0005150 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh